

SĐ237/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra cho chuyên ngành Xây dựng công trình mỏ - Mã số: 758020105
(ngành Kỹ thuật Xây dựng - Mã số: 7580201)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18/4/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo; Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ công văn số 10/MĐC-XD ngày 19/3/2018 của Hội đồng khoa học khoa Xây dựng về việc thành lập Tổ rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng khoa Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra (danh sách kèm theo).

Điều 2. Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo có nhiệm vụ tổ chức triển khai việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành. Tổ công tác tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Tài vụ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận: *LCB*

- Như điều 3 (để t/h);
- Các PHT (để p/hợp chỉ đạo);
- Lưu: HC-TH, ĐTĐH (09)



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH
TỔ CÔNG TÁC RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA

(Kèm theo Quyết định số 1237/QĐ-MĐC ngày 21 tháng 3, năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

- 
- | | |
|---------------------------|--|
| 1. GS.TS Võ Trọng Hùng | Trưởng bộ môn Xây dựng công trình ngầm và mỏ, Tổ trưởng. |
| 2. TS. Đặng Trung Thành | Bộ môn Xây dựng công trình ngầm và mỏ, Thư ký. |
| 3. TS. Đỗ Ngọc Anh | Bộ môn Xây dựng công trình ngầm và mỏ, Thành viên. |
| 4. TS. Ngô Doãn Hào | Bộ môn Xây dựng công trình ngầm và mỏ, Thành viên. |
| 5. TS. Đào Viết Đoàn | Bộ môn Xây dựng công trình ngầm và mỏ, Thành viên. |
| 6. TS. Trần Tuấn Minh | Bộ môn Xây dựng công trình ngầm và mỏ, Thành viên. |
| 7. ThS. Đặng Văn Kiên | Bộ môn Xây dựng công trình ngầm và mỏ, Thành viên. |
| 8. TS. Nguyễn Duyên Phong | Bộ môn Xây dựng công trình ngầm và mỏ, Thành viên. |

Tổng số: 08 cán bộ./.

V/v thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh
chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần,
chuẩn đầu ra

**Kính gửi: - Ban Giám hiệu;
- Phòng Đào tạo Đại học.**

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào thông báo số 141/MĐC-ĐTĐH ngày 12/3/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra;

Căn cứ vào cuộc họp của bộ môn Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ về việc thành lập tổ công tác rà soát cho chuyên ngành Xây dựng Công trình Mỏ - Mã số: 758020105 thuộc ngành Kỹ thuật Xây dựng, Mã số: 7580201

Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ đề nghị Ban Giám hiệu và phòng Đào tạo Đại học thành lập tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra:

1. GS.TS Võ Trọng Hùng: Trưởng bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Tổ trưởng.
2. TS. Đặng Trung Thành: Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Thư ký.
3. TS. Đỗ Ngọc Anh: Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Thành viên.
4. TS. Ngô Doãn Hào: Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Thành viên.
5. TS. Đào Viết Đoàn: Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Thành viên.
6. TS. Trần Tuấn Minh: Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Thành viên.
7. ThS. Đặng Văn Kiên: Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Thành viên.
8. TS. Nguyễn Duyên Phong: Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Thành viên.

Trân trọng cảm ơn./.

Hội đồng khoa học Khoa Xây dựng

Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ


Võ Trọng Hùng


Đặng Trung Thành

BIÊN BẢN HỌP BỘ MÔN

Về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học cho chuyên ngành Xây dựng Công trình Mỏ, Mã số: 758020105 thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng - Mã số: 7580201

Ngày 21/03/2018, vào lúc 8h00, Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ đã họp đã họp về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học chuyên ngành: Xây dựng Công trình Mỏ, Mã số: 758020105 thuộc ngành: Kỹ thuật xây dựng - Mã số 7580201. Thành phần tham dự:

- Các cán bộ tham gia giảng dạy Đại học chuyên ngành Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng

- Chủ trì cuộc họp: GS.TS. Võ Trọng Hùng - Trưởng bộ môn (Tổ trưởng công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra chuyên ngành Xây dựng Công trình ngầm và mỏ)

- Thư ký: TS. Đặng Trung Thành (Thư ký tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra chuyên ngành Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ).

NỘI DUNG:

1. GS.TS. Võ Trọng Hùng - chủ trì cuộc họp nêu lý do tổ chức cuộc họp.

2. GS.TS. Võ Trọng Hùng thay mặt Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ trình bày tóm tắt sự cần thiết về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học.

3. Các thành viên tham dự cuộc họp phát biểu ý kiến:

3.1. TS. Đỗ Ngọc Anh:

Mục tiêu đào tạo và chương trình đào tạo cần được rà soát, điều chỉnh để cơ bản đáp ứng được những yêu cầu của một kỹ sư Xây dựng Công trình Mỏ sau khi ra trường, đảm bảo phù hợp với xu thế phát triển của ngành xây dựng hiện tại và trong tương lai. Trong bối cảnh hội nhập, mở cửa như hiện nay, chương trình đào tạo cần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng đa dạng, cập nhật, giúp sinh viên thích nghi nhanh nhất với môi trường làm việc quốc tế và sinh viên cũng đủ khả năng để làm việc trong nhiều vị trí việc làm đa dạng trong ngành xây dựng.

3.2. TS. Đào Viết Đoàn:

Về cơ bản Chương trình đã hợp lý, tuy nhiên cần thêm BTL cho các môn học tính toán thiết kế để nâng cao tính thực hành cho sinh viên thuận tiện cho làm đồ án môn học và đồ án tốt nghiệp cũng như sau khi ra trường.

3.3. ThS. Đặng Văn Kiên:

Chương trình đào tạo cần được cân đối giữa việc cung cấp kiến thức và phát triển kỹ năng thực hành cho sinh viên. Nên duy trì các học phần Đồ án môn học như hiện tại để tăng tính thực hành cho sinh viên sau khi học xong phần lý thuyết.

Về cơ bản đồng ý với các nội dung điều chỉnh, bổ sung của Tổ công tác rà soát, điều chỉnh.

Đề nghị thay tên môn học phần Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm (MHP: 4100120) bằng môn học Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm mở + BTL (MHP: 4100120), để tăng tính thực hành cho sinh viên.

- Bổ sung môn học đồ án Xây dựng giếng đứng (MHP: 4090550) trong phần kiến thức chuyên ngành;

4. Các thành viên trong Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trả lời và giải đáp các ý kiến về việc điều chỉnh - bổ sung trong chương trình đào tạo.

3.4. TS. Đặng Trung Thành:

Chương trình đào tạo cần được cân đối giữa việc cung cấp kiến thức và phát triển kỹ năng thực hành cho sinh viên. Đồng ý với ý kiến của Thầy Đào Viết Đoàn và Thầy Đặng Văn Kiên về điều chỉnh môn học.

3.4. TS. Nguyễn Duyên Phong:

Đồng ý với ý kiến của các Thầy về điều chỉnh tên học phần.

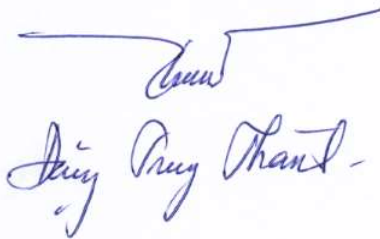
5. GS.TS. Võ Trọng Hùng tổng hợp các ý kiến và thống nhất các nội dung rà soát, điều chỉnh trong chương trình đào tạo và phân công nhiệm vụ cho các cá nhân trong việc điều chỉnh lại chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra trước khi thông qua Hội đồng Khoa khoa Xây dựng, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường:

- Bổ sung môn học đồ án Xây dựng giếng đứng (MHP: 4090550) trong phần kiến thức chuyên ngành;

- Bổ sung BTL cho học phần Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm (MHP: 4100120) bằng môn học Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm mở + BTL (MHP: 4100120).

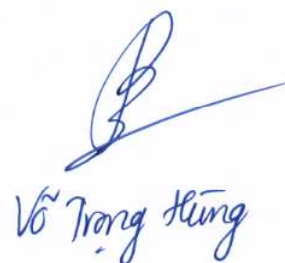
Cuộc họp kết thúc hồi 11h00 cùng ngày, biên bản cuộc họp được các thành viên tham dự họp nhất trí thông qua./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP



Đặng Trung Thành

CHỦ TRÌ



Võ Trọng Hùng

BIÊN BẢN HỘI THẢO

Về việc điều chỉnh phiên bản chương trình đào tạo năm 2016 với năm 2018

Ngày 28/03/2018, lúc 8h30, Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến đóng góp về việc điều chỉnh phiên bản chương trình đào tạo ở trình độ Đại học chuyên ngành Xây Công trình mỏ.

Thành phần tham dự:

- Thành viên Hội đồng Khoa khoa Khoa Xây dựng,
- Thành viên Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo
- Các Đại biểu khách mời
- Chủ trì cuộc họp: GS.TS. Võ Trọng Hùng – Trưởng bộ môn Xây dựng công trình Ngầm và Mỏ;
- Thư ký: TS. Đặng Trung Thành

NỘI DUNG:

1. GS.TS. Võ Trọng Hùng chủ trì buổi hội thảo nêu lý do tổ chức cuộc họp.
2. GS.TS. Võ Trọng Hùng thay mặt Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ trình bày tóm tắt sự cần thiết về việc điều chỉnh phiên bản chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng Công trình mỏ năm 2016; các nội dung điều chỉnh - bổ sung, thay đổi trong CTĐT Đại học chuyên ngành Xây dựng Công trình mỏ.
3. Các thành viên tham dự cuộc họp phát biểu ý kiến:
 - GS.TS. Võ Trọng Hùng - Chủ tịch Hội đồng Khoa khoa Xây dựng:
Hoàn toàn đồng ý với đề xuất điều chỉnh các học phần do Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và mỏ đưa ra để chương trình đào tạo phù hợp hơn với thực tế cũng như với chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng Công trình mỏ của các trường khác trong và ngoài nước.
 - PGS.TS. Tạ Đức Thịnh:
Đồng ý với những điều chỉnh trong chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng Công trình mỏ do Bộ môn đưa ra.
 - PGS.TS. Nguyễn Xuân Mẫn:
Hoàn toàn đồng ý với những điều chỉnh trong chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng Công trình mỏ do Bộ môn đưa ra để phù hợp hơn trong logic các môn học thuộc chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp.
 - TS. Đỗ Ngọc Anh:
Đồng ý với những điều chỉnh trong chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng Công trình mỏ do Bộ môn đưa ra.
 - TS. Nguyễn Trọng Dũng:
Đồng ý với những điều chỉnh trong chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng Công trình mỏ do Bộ môn đưa ra.
 - TS. Nguyễn Văn Mạnh:

Đồng ý với những điều chỉnh trong chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng Công trình mỏ do Bộ môn đưa ra.

- TS. Đặng Trung Thành:

Đồng ý với những điều chỉnh trong chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng Công trình mỏ do Bộ môn đưa ra.

4. Các thành viên trong Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trao đổi và giải đáp các ý kiến về việc điều chỉnh - bổ sung phiên bản trong chương trình đào tạo năm 2016 với năm 2018.

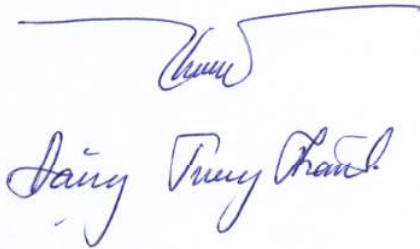
5. GS.TS. Võ Trọng Hùng - chủ trì cuộc họp - tổng hợp các ý kiến và thống nhất các nội dung cần điều chỉnh phiên bản trong chương trình đào tạo năm 2016 với năm 2018 như sau:

- Bổ sung môn học đồ án Xây dựng giếng đứng (MHP: 4090550) trong phần kiến thức chuyên ngành;

- Bổ sung BTL cho học phần Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm (MHP: 4100120) bằng môn học Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm mỏ + BTL (MHP: 4100120).

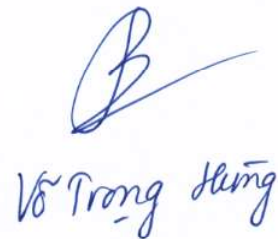
Buổi hội thảo kết thúc hồi 11h00 cùng ngày, biên bản hội thảo được các thành viên tham dự họp nhất trí thông qua.

THƯ KÝ CUỘC HỌP



Đặng Trung Thành

CHỦ TRÌ



Võ Trọng Hùng

Hà Nội, ngày 2 tháng 4 năm 2018

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA
KHOA XÂY DỰNG

**Về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần,
chuẩn đầu ra chuyên ngành Xây dựng CTM, Mã số: 758020105
thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng - Mã số: 7580201**

I. THÀNH PHẦN:

1. Hội đồng Khoa khoa Xây dựng: các thành viên kèm theo Quyết định số 2651/QĐ-MDC, ngày 21/12/2016 về việc thành lập Hội đồng Khoa khoa Xây dựng của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

2. Đại diện lãnh đạo Bộ môn Xây dựng Công trình Ngầm và Mỏ

II. THỜI GIAN: 8h00, ngày 2 tháng 4 năm 2018.

III. ĐỊA ĐIỂM: Phòng 510 Nhà 12 tầng, trường Đại học Mỏ - Địa chất.

IV. NỘI DUNG:

1. GS.TS. Võ Trọng Hùng - Chủ tịch Hội đồng Khoa khoa Xây dựng giới thiệu nội dung cuộc họp: Rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra chuyên ngành Xây dựng CTM, Mã số: 758020105 thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng - Mã số: 7580201. Chương trình đào tạo của ngành được xây dựng theo chương trình khung trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. TS. Đặng Trung Thành – Phó Trưởng Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ đại diện cho Bộ môn trình bày chi tiết về nội dung rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra chuyên ngành Xây dựng CTM, Mã số: 758020105 thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng - Mã số: 7580201:

- Mục tiêu của Chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng Công trình Ngầm và Mỏ.
- Thời gian đào tạo 5 năm theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng số tín chỉ): 162 tín chỉ.
- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp.

- Nội dung chương trình: Kiến thức giáo dục đại cương (kiến thức bắt buộc và kiến thức tự chọn) và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, kiến thức chuyên ngành, thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp).
- Bổ sung môn học đồ án Xây dựng giếng đứng (MHP: 4090550) trong phần kiến thức chuyên ngành;
- Bổ sung BTL cho học phần Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm (MHP: 4100120) bằng môn học Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm mở + BTL (MHP: 4100120).

V. CÁC Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

1. TS. Đỗ Ngọc Anh - Trưởng Khoa Xây dựng:

Căn cứ vào phiếu khảo sát tình hình công việc thực tế tại các đơn vị sử dụng các kỹ sư chuyên ngành Xây dựng CTM, cần phải tiến hành điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu thực tế, chủ yếu tập trung giảng dạy các học phần kiến thức đáp ứng yêu cầu thực tế của đơn vị sử dụng lao động.

2. TS. Đặng Trung Thành - Phó trưởng khoa Xây dựng:

Nội dung chỉnh sửa như báo cáo là phù hợp với thực tế và yêu cầu đào tạo và thực tế của các đơn vị sử dụng lao động hiện nay.

3. TS. Nguyễn Trọng Dũng - Trưởng Bộ môn Hạ tầng cơ sở:

Nhất chí với nội dung điều chỉnh, Việc đề xuất chỉnh sửa CTĐT của bộ môn là rất cần thiết và phù hợp với thực tế. Đồng ý với những chỉnh sửa như trong báo cáo.

4. GS.TS. Võ Trọng Hùng - Trưởng bộ môn Xây dựng CTM:

Nội dung chương trình có chất lượng tốt, phù hợp với mục tiêu và trình độ đào tạo của Nhà trường. Nội dung chương trình được xây dựng trên cơ sở có sự đầu tư nghiên cứu sâu, rộng nên tương đối toàn diện và đầy đủ.

5. PGS.TS Tạ Đức Thịnh - Bộ môn Hạ tầng cơ sở:

Đồng ý với nội dung điều chỉnh, Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng tốt các yêu cầu cơ bản về dung lượng kiến thức và phù hợp với thực tiễn, trong quá trình xây dựng đã chú trọng đến khả năng đáp ứng yêu cầu nhu cầu thực tiễn của người học.

6. PGS.TS Nguyễn Xuân Mẫn - Bộ môn Kỹ thuật xây dựng:

Nhất trí với nội dung chương trình và kế hoạch học tập chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp. Nội dung chương trình khá hoàn chỉnh, phù hợp với yêu cầu chung của Bộ Giáo Dục và Đào tạo cũng như của các cơ sở sử dụng lao động tốt nghiệp chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp.

VI. PHẢN TRẢ LỜI CỦA BỘ MÔN

GS.TS. Võ Trọng Hùng - Trưởng bộ môn Xây dựng CTN và Mỏ

Tổng hợp các ý kiến đóng góp, trả lời các câu hỏi của các thành viên Hội đồng Khoa khoa Xây dựng về báo cáo rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra chuyên ngành Xây dựng CTM.

VII. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG

GS.TS. Võ Trọng Hùng - Chủ tịch Hội đồng Khoa khoa Xây dựng - tổng kết các ý kiến của các thành viên trong Hội đồng và kết luận: Đồng ý với những điều chỉnh chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng Công trình Mỏ theo đề xuất của Bộ môn Xây dựng Công trình Ngầm và Mỏ:

- Bổ sung môn học đồ án Xây dựng giếng đứng (MHP: 4090550) trong phần kiến thức chuyên ngành;
- Bổ sung BTL cho học phần Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm (MHP: 4100120) bằng môn học Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm mỏ + BTL (MHP: 4100120).

Hội đồng Khoa khoa Xây dựng nhất trí thông qua và kính chuyển lên Nhà trường xem xét, ra quyết định.

Biên bản hội thảo được các thành viên tham dự họp nhất trí thông qua.

Buổi hội thảo kết thúc lúc 11h30' cùng ngày.

THƯ KÝ



Hoàng Trung Phan

CHỦ TỌA



Võ Trọng Hùng

Số 1238/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 9 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành
Xây dựng công trình mỏ - Mã số: 758020105; ngành Kỹ thuật xây dựng - Mã số: 7580201
của Khoa Xây dựng - Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1237/QĐ-MĐC ngày 11/3/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra cho chuyên ngành Xây dựng công trình mỏ - Mã số: 758020105 (ngành Kỹ thuật Xây dựng - Mã số: 7580201);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng khoa Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Xây dựng công trình mỏ (ngành Kỹ thuật Xây dựng) gồm các thành viên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học tổ chức thực hiện thẩm định chương trình theo Quy định của Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định hiện hành. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng khoa Xây dựng, Trưởng các đơn vị có liên quan và các thành viên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *[Chữ ký]*
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Lưu: HCTH, ĐTDH₍₀₉₎.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Hải An

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH MỎ - MÃ SỐ: 758020105**

(NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG - MÃ SỐ: 7580201)

(Kèm theo QĐ số: 128/QĐ-MĐC ngày 7/4/2018

của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

TT	Họ tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1	GS. TS Võ Trọng Hùng	Trưởng bộ môn Xây dựng công trình ngầm và mỏ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Chủ tịch hội đồng
2	TS. Đặng Trung Thành	Phó trưởng khoa, Phó trưởng bộ môn Xây dựng công trình ngầm và mỏ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Thư ký
3	GS. TS Đỗ Như Tráng	Học viện kỹ thuật Quân sự	Ủy viên
4	TS. Đỗ Ngọc Anh	Trưởng Khoa Xây dựng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Ủy viên
5	PGS. TS Nguyễn Đức Khoát	Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Ủy viên
6	TS. Phan Văn Đoàn	Giám đốc công ty Đông Dương	Ủy viên
7	TS. Phạm Minh Đức	Nguyên phó Viện trưởng - Viện khoa học công nghệ mỏ	Ủy viên
8	TS. Nguyễn Bình	Hội khoa học công nghệ mỏ	Ủy viên
9	TS. Lê Văn Công	Phòng xây dựng mỏ - Viện khoa học công nghệ mỏ	Ủy viên

Tổng số: 09 cán bộ./.

Số: 29/MĐC-XD

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2018

V/v thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
trình độ đại học chuyên ngành Xây dựng CTM
của Khoa Xây dựng - Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Kính gửi:

- Ban Giám hiệu;
- Phòng Đào tạo Đại học.

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào cuộc họp của bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo cho chuyên ngành Xây dựng Công trình mỏ, Mã số: 758020105 thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng - Mã số: 7580201.

Khoa Xây dựng kính đề nghị Ban Giám hiệu và phòng Đào tạo Đại học cho thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng Công trình ngầm và mỏ với danh sách như sau:

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. GS.TS. Võ Trọng Hùng | Trưởng bộ môn Xây dựng CTN&M, Đại học Mỏ - Địa chất,
Chủ tịch hội đồng. |
| 2. TS. Đặng Trung Thành | Phó Trưởng Khoa, Phó trưởng Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Đại học Mỏ - Địa chất,
Thư ký. |

- | | |
|----------------------------|---|
| 3. GS.TS. Đỗ Như Tráng | Học Viện kỹ thuật Quân Sự
Ủy viên. |
| 4. TS. Đỗ Ngọc Anh | Trưởng Khoa Xây dựng, Đại học Mỏ - Địa chất,
Ủy viên. |
| 5. PGS.TS Nguyễn Đức Khoát | Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Đại học Mỏ - Địa
chất,
Ủy viên. |
| 6. TS. Phan Văn Đoàn | Giám đốc Công ty Đông Dương,
Ủy viên |
| 7. TS. Phạm Minh Đức | Viện khoa học Công nghệ mỏ,
Ủy viên |
| 8. TS. Nguyễn Bình | Hội khoa học công nghệ mỏ,
Ủy viên |
| 9. TS. Lê Văn Công: | Viện khoa học Công nghệ mỏ.
Ủy viên |

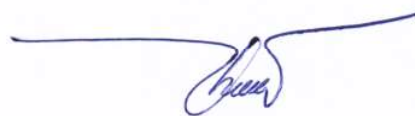
Trân trọng cảm ơn./.

**Chủ tịch Hội đồng Khoa
Khoa Xây dựng**



GS.TS. Võ Trọng Hùng

**Bộ môn Xây dựng Công trình
ngầm và mỏ**



TS. Đặng Trung Thành

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG CTM, MÃ SỐ: 758020105
THUỘC NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG - MÃ SỐ: 7580201

Hôm nay, vào lúc 8h30ph ngày 15 tháng 4 năm 2018 tại phòng F208 Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy chuyên ngành Xây dựng CTM Mã số: 758020105 thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng - Mã số: 7580201 của Khoa Xây dựng - Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã họp, cụ thể như sau:

I. Thành phần Hội đồng thẩm định

TT	Họ tên, học hàm, học vị	Cơ quan công tác	Chuyên ngành	Trách nhiệm trong Hội đồng	Ghi chú
1	GS.TS Võ Trọng Hùng	Trưởng bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.	XDCTN&M	Chủ tịch	
2	TS. Đặng Trung Thành	Phó Trường Khoa, Phó trưởng Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất,	XDCTN&M	Thư ký	
3	GS.TS. Đỗ Như Tráng	Học Viện kỹ thuật Quân Sự	XDCTN	Ủy viên	
4	TS. Đỗ Ngọc Anh	Trưởng Khoa Xây dựng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	XDCTN&M	Ủy viên	
5	PGS.TS Nguyễn Đức Khoát	Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Tự động hóa	Ủy viên	
6	TS. Phan Văn Đoàn	Giám đốc Công ty Đông Dương,	XDCTN&M	Ủy viên	
7	TS Phạm Minh Đức	Nguyên phó Viện Trưởng, - Viện khoa học Công nghệ	XDCTN&M	Ủy viên	
8	TS. Nguyễn Bình	Hội khoa học công	XDCTN&M	Ủy viên	

		nghệ mỗ,			
9	TS. Lê Văn Công	Phòng Xây dựng mỗ - Viện khoa học Công nghệ	XDCTN&M	Ủy viên	

II. Nội dung thẩm định

1. Bộ môn báo cáo tóm tắt nội dung quá trình xây dựng và nội dung chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy chuyên ngành Xây dựng công trình Mỗ, Mã số: 758020105 thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng - Mã số: 7580201.

2. Ý kiến của các thành viên Hội đồng về chương trình đào tạo:

- PGS.TS. Nguyễn Đức Khoát: Đồng ý với nội dung và hình thức của Chương trình đào tạo vì đảm bảo tính pháp lý, có cơ sở căn cứ khoa học, có xem xét đến nhu cầu thị trường nhân lực của ngành Xây dựng công trình mỗ.

- GS.TS. Đỗ Như Tráng: Đánh giá cao về tính pháp lý, tính hiện đại của Chương trình đào tạo do Bộ môn xây dựng. Mục tiêu đào tạo đưa ra phù hợp với nội dung và thời lượng của Chương trình. Đề cương xây dựng ở các học phần là khá chi tiết, rõ ràng. Song cần phải xem xét bổ sung những học phần thí nghiệm, thực hành cho chương trình đào tạo.

- TS. Đỗ Ngọc Anh: Nhất trí với Chương trình đào tạo do Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỗ đề xuất về mục tiêu đào tạo, nội dung, thời lượng phân bổ ở các học kỳ cũng như đề cương chi tiết của các học phần nhưng phải xem lại một số học phần phân bổ thời gian chưa phù hợp với từng chương, từng nội dung bài giảng.

- TS. Nguyễn Bình: Đồng ý với chương trình đào tạo đã xây dựng nhưng cần đưa một số học phần mang tính học thuật dạng chuyên đề để sinh viên có những kiến thức thực tế hơn.

- Các ý kiến khác: Nhìn chung đều đồng ý với nội dung và hình thức của Chương trình đào tạo trình độ Đại học chuyên ngành Xây dựng Công trình mỗ.

3. Bộ môn trả lời các câu hỏi của thành viên Hội đồng thẩm định

- Bộ môn sẽ tiếp thu ý kiến của các Nhà khoa học để xem xét những bất hợp lý trong Chương trình đào tạo đã xây dựng.

- Bộ môn sẽ kết hợp cùng với Hội đồng Khoa khoa Xây dựng để chỉnh sửa bổ sung các môn học tự chọn phù hợp với ngành đào tạo. Đồng thời cùng với các giáo viên chuyên môn ở các tổ học phần sẽ xem xét lại thời lượng phân bổ cho một số học phần nhằm đảm bảo phù hợp với thời lượng cũng như nâng cao sự hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

- Bộ môn đánh giá cao sự đóng góp của các đơn vị sản xuất để nâng cao chất lượng của bài giảng, học phần nhằm đảm bảo yêu cầu thực tế.

4. Hội đồng thẩm định họp riêng thảo luận, bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín

Hội đồng đã bầu ra ban kiểm phiếu gồm 3 đồng chí:

TS. Nguyễn Bình: Trưởng ban kiểm phiếu

TS. Đỗ Ngọc Anh: Thư ký

TS. Lê Văn Công: Ủy viên
Hội đồng tiến hành bỏ phiếu kín.

5. Kết quả thẩm định bằng phiếu

- Số phiếu đánh giá Chương trình phát ra: 9 phiếu
- Số phiếu đánh giá Chương trình thu về: 9 phiếu
- Phiếu hợp lệ: 9 phiếu
- Phiếu không hợp lệ: 0 phiếu
- Số phiếu đánh giá Chương trình đạt yêu cầu: 9 phiếu
- Số phiếu đánh giá Chương trình không đạt yêu cầu: 0 phiếu

6. Kết luận của Hội đồng thẩm định

Đồng ý với Chương trình đào tạo Đại học ngành Xây dựng CTN do Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ đề xuất ở trên. Tuy nhiên, cần chỉnh sửa những hạn chế đã nêu trên.

Phiên họp kết thúc vào hồi 11h45ph cùng ngày./.

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng


Trương Trung Kiên.

HIỆU TRƯỞNG




Võ Trọng Hưng

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: TS. Phan Văn Đoàn
Chức danh: PGĐ. Học vị TS Năm bảo vệ: 1987
Cơ quan công tác: Công ty nhập khẩu và Phân phối than điện lực dầu khí
Ngành: Xây dựng Công trình Ngầm và Mỏ
Tên chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng công trình mỏ, mã số: 758020105, ngành
Kỹ thuật Công trình Xây dựng - Mã số: 7580201
Của bộ môn Xây dựng công trình Ngầm và Mỏ - Khoa Xây dựng - Trường Đại học Mỏ
- Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình:

Đảm bảo yêu cầu chương trình đào tạo kỹ sư ngành kỹ thuật Xây dựng, chương trình học phong phú về số lượng môn học lĩnh vực ngành.

2. Về hình thức chương trình:

Hình thức chương trình đào tạo 5 năm phù hợp với ngành kỹ thuật và đáp ứng được năng lực sau khi ra trường, hình thức đào tạo tập trung, phân bổ các học phần trong các kỳ học hợp lý, có nhiều môn tự chọn mang tính liên ngành.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Điều chỉnh các môn học theo xu hướng phát triển của công nghệ kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng và công trình ngầm.

Ngày 15 tháng 04 năm 2018

Người nhận xét ký tên



TS. Phan Văn Đoàn

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: TS. Nguyễn Bình

Chức danh: Chánh văn phòng Hội khoa học Mỏ, Năm phong 2010, Học vị TS Năm bảo vệ: 1997

Cơ quan công tác: Hội Khoa học Mỏ

Ngành: Xây dựng Công trình Ngầm và Mỏ

Tên chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng công trình mỏ, mã số: 758020105, ngành

Kỹ thuật Công trình Xây dựng - Mã số: 7580201

Của bộ môn Xây dựng công trình Ngầm và Mỏ - Khoa Xây dựng - Trường Đại học Mỏ
- Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình:

Đảm bảo yêu cầu chương trình đào tạo kỹ sư ngành kỹ thuật Xây dựng, chương trình có nhiều môn học chuyên ngành sâu đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động sau khi ra trường.

2. Về hình thức chương trình:

Hình thức chương trình đào tạo 5 năm phù hợp với ngành kỹ thuật và đáp ứng được năng lực sau khi ra trường, hình thức đào tạo tập trung, phân bổ các học phần trong các kỳ học hợp lý.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Cần biên soạn nhiều tài liệu tham khảo chuyên sâu cho các môn học chuyên ngành để sinh viên tự học và nghiên cứu.

Ngày 15 tháng 04 năm 2018

Người nhận xét ký tên



TS. Nguyễn Bình

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: TS. Lê Đình Tân
Chức danh: Đại tá, Học vị TS Năm bảo vệ: 1995
Cơ quan công tác: Bộ Tư lệnh Công binh
Ngành: Xây dựng Công trình Ngầm Quân sự
Tên chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng công trình mỏ, mã số: 758020105, ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng - Mã số: 7580201
Của bộ môn Xây dựng công trình Ngầm và Mỏ - Khoa Xây dựng - Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình:

Đảm bảo yêu cầu chương trình đào tạo kỹ sư ngành kỹ thuật Xây dựng, chương trình có nhiều hướng chuyên sâu để sinh viên lựa chọn, các môn học trong tự chọn trường và tự chọn khoa khá đa dạng.

2. Về hình thức chương trình:

Hình thức chương trình đào tạo phù hợp với người học và đáp ứng được năng lực của sinh viên, hình thức đào tạo cho phép người học chủ động, tự học phát huy tính tự lực của sinh viên

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Cần tăng cường thời lượng làm bài tập lớn trong các môn học để phát huy tính tự lực của sinh viên.

Ngày 15 tháng 04 năm 2018

Người nhận xét ký tên



TS. Lê Đình Tân

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: PGS.TS. Nguyễn Đức Khoát

Chức danh PGS Năm phong 2012 Học vị TS Năm bảo vệ: 2007

Cơ quan công tác: Trường Đại học Mỏ - Địa Chất

Ngành: Xây dựng Công trình Ngầm và Mỏ

Tên chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng công trình mỏ, mã số: 758020105, ngành

Kỹ thuật Công trình Xây dựng - Mã số: 7580201

Của bộ môn Xây dựng công trình Ngầm và Mỏ - Khoa Xây dựng - Trường Đại học Mỏ
- Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình:

Đảm bảo yêu cầu chương trình đào tạo kỹ sư chuyên ngành Xây dựng mỏ, ngành kỹ thuật Xây dựng.

2. Về hình thức chương trình:

Hình thức đào tạo phù hợp với người học và đánh giá năng lực của sinh viên khi ra trường

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình xây dựng có nhiều hướng chuyên sâu ngành do vậy cần ra soát lại khối lượng kiến thức cơ sở ngành để đảm bảo đủ điều kiện cho sinh viên đáp ứng được các hướng chuyên sâu đã xây dựng. Bên cạnh đó cần bổ sung thêm thí nghiệm cho các môn học chuyên ngành.

Ngày 15 tháng 04 năm 2018

Người nhận xét ký tên



PGS.TS. Nguyễn Đức Khoát

**BÁO CÁO CHỈNH SỬA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO,
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA**
Chuyên ngành Xây dựng CTM, Mã số: 758020105
thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng - Mã số: 7580201
Trình độ: Đại học

Bộ môn đã thống nhất kế hoạch và quy trình triển khai công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra trình độ đại học đảm bảo các yêu cầu của Nhà trường;

Căn cứ báo cáo tổng hợp kết quả rà soát chương trình đào tạo;

Căn cứ vào biên bản của bộ môn và hội thảo rà soát chương trình của bộ môn; hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; biên bản hội đồng khoa học và đào tạo khoa;

Được sự phân công của lãnh đạo, từ tháng 3 đến tháng 4, Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo của bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ đã thực hiện việc nghiên cứu và chỉnh sửa chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng CTM, các nội dung đã chỉnh sửa cụ thể như sau:

1. Mục tiêu, nội dung của chương trình đào tạo

STT	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	- Bổ sung môn học đồ án Xây dựng giếng đứng (MHP: 4090550) trong phần kiến thức chuyên ngành;	Để phù hợp với chuyên ngành xây dựng CTN&M	- Các cuộc họp về rà soát điều chỉnh Chương trình đào tạo	
2	- Bổ sung BTL cho học phần Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm (MHP: 4100120) bằng môn học Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm mở + BTL (MHP: 4100120).	Để phù hợp với chuyên ngành xây dựng CTN&M	- Các cuộc họp về rà soát điều chỉnh Chương trình đào tạo	

2. Đề cương chi tiết các học phần

STT	Tên học phần	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Không chỉnh sửa				

3. Chuẩn đầu ra

STT	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Không chỉnh sửa			

TRƯỜNG KHOA


TS. Đỗ Ngọc Anh

P. TRƯỞNG BỘ MÔN


Nguyễn Trung Thanh

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN,
CHUẨN ĐẦU RA**

Chuyên ngành Xây dựng CTM, Mã số: 758020105

thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng - Mã số: 7580201

Trình độ: Đại học

Căn cứ báo cáo tổng hợp kết quả rà soát chương trình đào tạo;
Căn cứ vào biên bản của bộ môn và hội thảo rà soát chương trình của bộ môn; hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; biên bản hội đồng khoa học và đào tạo khoa. Bộ môn Xây dựng Công trình Ngầm và Mỏ báo cáo kết quả rà soát chương trình đào tạo như sau:

Phần I. Nội dung

1. Nội dung, cấu trúc, thời lượng, mức độ liên thông

- Mức độ cập nhật, hội nhập so với các trường trong nước cũng như quốc tế:

Chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần của chuyên ngành Xây dựng CTM sau khi rà soát, điều chỉnh đã cập nhật, hội nhập so với các trường trong nước cũng như quốc tế.

- Kết quả rà soát nội dung kiến thức đối với cấu trúc của chương trình đào tạo, các khối kiến thức, các học phần bắt buộc, tự chọn:

Trong chương trình đào tạo hiện nay, có các học phần chưa phù hợp với mục tiêu đào tạo của chuyên ngành Xây dựng CTM là:

+ Bổ sung môn học đồ án Xây dựng giếng đứng (MHP: 4090550) trong phần kiến thức chuyên ngành;

+ Bổ sung BTL cho học phần Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm (MHP: 4100120) bằng môn học Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm mỏ + BTL (MHP: 4100120).

- Đánh giá thời lượng của chương trình đào tạo:

Thời lượng đào tạo của chương trình là 5 năm là phù hợp với khối lượng kiến thức được trang bị của người học.

- Đánh giá mức độ liên thông của chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo có tính liên thông giữa các bậc học và các chuyên ngành trong cùng ngành Kỹ thuật xây dựng.

2. Đề cương chi tiết học phần

- Về mục tiêu của học phần:

Mục tiêu của các học phần đưa ra là phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Về thời lượng, nội dung kiến thức của học phần:

Thời lượng cũng như nội dung kiến thức của các học phần được phân phối như hiện nay là tương đối phù hợp với mục tiêu đào tạo. Tuy nhiên các nội dung kiến thức chuyên ngành cần được cập nhật thường xuyên để đáp ứng yêu cầu phát triển của khoa học kỹ thuật chuyên ngành cũng như các lĩnh vực khoa học kỹ thuật khác.

- Tài liệu tham khảo:

Về cơ bản đáp ứng được yêu cầu về tài liệu phục vụ học tập cho các học phần. Tài liệu tham khảo cũng nên được cập nhật thường xuyên phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ trong lĩnh vực chuyên môn.

3. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

- Mức độ phù hợp với mục tiêu chung của nhà trường:

Mục tiêu đào tạo của chuyên ngành Xây dựng CTM hoàn toàn phù hợp với mục tiêu chung của Nhà trường

- Mức độ đáp ứng yêu cầu của nhà sử dụng lao động:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng CTM được xây dựng trên cơ sở kết quả khảo sát, đánh giá của người sử dụng lao động nên cơ bản đáp ứng yêu cầu của nhà sử dụng lao động.

Phần II. Tổng hợp ý kiến của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội-ngề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp

- Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chuyên ngành Xây dựng CTM tương đối phù hợp với thực tế sản xuất.
- Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo của chương trình đào tạo là phù hợp.
- Nên có nhiều học phần BTL, đồ án và thực hành để đáp ứng và cập nhật được các kiến thức thực tế cho sinh viên, giúp sinh viên sau khi ra trường có thể nắm bắt được ngay các công việc được giao.
- Nên giảm khối lượng kiến thức đại cương để tăng khối lượng kiến thức chuyên ngành giúp trang bị cho sinh viên nhiều kiến thức chuyên ngành hơn, đáp ứng yêu cầu của công việc sau khi tốt nghiệp.
- Nhà trường nên xây dựng các cơ sở thực tập, thực hành để có thể chủ động hơn trong quá trình bố trí thực tập, thực hành của sinh viên.

Phần III. Kiến nghị

Kiến nghị Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo Đại học cho điều chỉnh các học phần:

- Bổ sung môn học đồ án Xây dựng giếng đứng (MHP: 4090550) trong phần kiến thức chuyên ngành;

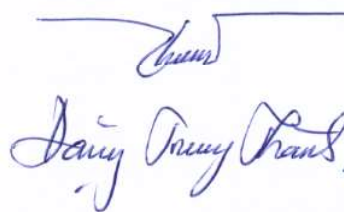
- Bổ sung BTL cho học phần Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm (MHP: 4100120) bằng môn học Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm mở + BTL (MHP: 4100120).

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Ngọc Anh

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



**BẢNG ĐỐI CHIẾU, SO SÁNH CÁC PHIÊN BẢN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH MỎ NĂM 2016, NĂM 2018**

SIT	Mã MH	Tên MH	TC	Phân bố số tín chỉ				Tổ chức TC	Khoa phụ trách	Bộ môn phụ trách	Mã MH	Tên MH	TC	Nội dung thay đổi
BẬC		CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2016	166	LT	TH	ĐA	TT	LV				CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2018	168	
I		Kiến thức giáo dục đại cương	51									Kiến thức giáo dục đại cương	51	
I.1		Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc	45									Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc	45	
1	4020101	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 1	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	LLCT		Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 1	2	
2	4020102	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 2	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	LLCT		Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 2	3	
3	4020301	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	LLCT		Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	
4	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	LLCT		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
5	4010601	Tiếng Anh NEF1	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	KHCB		Tiếng Anh NEF1	3	
6	4010602	Tiếng Anh NEF2	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	KHCB		Tiếng Anh NEF2	3	
7	4010701	Giáo dục thể chất 1	1						1(1.0.2)	KHCB		Giáo dục thể chất 1	1	
8	4010702	Giáo dục thể chất 2	1						1(1.0.2)	KHCB		Giáo dục thể chất 2	1	
9	4010703	Giáo dục thể chất 3	1						1(1.0.2)	KHCB		Giáo dục thể chất 3	1	
10	4010704	Giáo dục thể chất 4	1						1(1.0.2)	KHCB		Giáo dục thể chất 4	1	
11	4010705	Giáo dục thể chất 5	1						1(1.0.2)	KHCB		Giáo dục thể chất 5	1	
12	4020103	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	LLCT		Pháp luật đại cương	2	
13	4010101	Đại số	3	60	0	0	0	0	3(3.0.6)	KHCB		Đại số	3	
14	4010102	Giải tích 1	4	60	0	0	0	0	4(4.0.8)	KHCB		Giải tích 1	4	
15	4010103	Giải tích 2	3	60	0	0	0	0	3(3.0.6)	KHCB		Giải tích 2	3	
16	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3	60	0	0	0	0	3(3.0.6)	KHCB		Vật lý đại cương A1 + TN	3	
17	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	KHCB		Vật lý đại cương A2 + TN	3	
18	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	KHCB		Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	
19	4080201	Tin học đại cương + TH (dùng cho K. Thuật)	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	CNIT		Tin học đại cương + TH (dùng cho K. Thuật)	3	
I.2		Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn	6									Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn	6	
20	4010105	Xác suất thống kê	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB		Xác suất thống kê	2	
21	4010110	Toán tối ưu	2	45	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB		Toán tối ưu	2	
22	4010106	Phương pháp tính	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB		Phương pháp tính	2	
23	4010505	Cơ học chất lỏng	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB		Cơ học chất lỏng	2	
24	4010504	Cơ học ứng dụng	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB		Cơ học ứng dụng	2	
II		Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	33									Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	33	
25	4010501	Cơ học lý thuyết 1	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	KHCB		Cơ học lý thuyết 1	3	
26	4010502	Cơ học lý thuyết 2	2						2(2.0.4)	KHCB		Cơ học lý thuyết 2	2	
27	4030501	Sức bền vật liệu 1 + BTL + TN	3	60	0	0	0	0	3(3.0.6)	Mô		Sức bền vật liệu 1 + BTL + TN	3	
28	4030502	Sức bền vật liệu 2 + BTL	3	15	0	0	0	0	3(3.0.6)	Mô		Sức bền vật liệu 2 + BTL	3	
29	4030507	Cơ học kết cấu 1 + BTL	3	60	0	0	0	0	3(3.0.6)	Mô		Cơ học kết cấu 1 + BTL	3	
30	4030508	Cơ học kết cấu 2 + BTL	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	Mô		Cơ học kết cấu 2 + BTL	3	
31	4030514	Cơ học môi trường liên tục	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	Mô		Cơ học môi trường liên tục	2	
32	4030515	Động lực học công trình	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	Mô		Động lực học công trình	2	
33	4090413	Thủy lực cơ sở (B)	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	CT		Thủy lực cơ sở (B)	2	

[illegible]

52	4100131	Xây dựng hầm trạm, sân giếng	1	0	0	15	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100131	Xây dựng hầm trạm, sân giếng	1
53	4100139	An toàn và bảo vệ môi trường trong Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100139	An toàn và bảo vệ môi trường trong Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2
III.1.4		Hướng chuyên sâu về Xây dựng hầm trạm, sân giếng	10											Hướng chuyên sâu về Xây dựng hầm trạm, sân giếng	10
56	4100132	Xây dựng công trình ngầm trong mỏ (lò băng, lò nghiêng)	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100132	Xây dựng công trình ngầm trong mỏ (lò băng, lò nghiêng)	2
57	4100131	Xây dựng hầm trạm, sân giếng	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100131	Xây dựng hầm trạm, sân giếng	2
58	4100142	Nguyên lý thiết kế Xây dựng công trình ngầm trong mỏ hầm lò	3	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100142	Nguyên lý thiết kế Xây dựng công trình ngầm trong mỏ hầm lò	3
59	4100155	Đồ án xây dựng hầm trạm, sân giếng	1	0	0	15	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100155	Đồ án xây dựng hầm trạm, sân giếng	1
60	4100139	An toàn và bảo vệ môi trường trong Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100139	An toàn và bảo vệ môi trường trong Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2
III.1.5		Hướng chuyên sâu về XDCTN trong mỏ hầm lò tại các điều kiện đặc biệt	9											Hướng chuyên sâu về XDCTN trong mỏ hầm lò tại các điều kiện đặc biệt	9
63	4100131	Xây dựng hầm trạm, sân giếng	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100131	Xây dựng hầm trạm, sân giếng	2
64	4100132	Xây dựng công trình ngầm trong mỏ (lò băng, lò nghiêng)	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100132	Xây dựng công trình ngầm trong mỏ (lò băng, lò nghiêng)	2
65	4100142	Nguyên lý thiết kế Xây dựng công trình ngầm trong mỏ hầm lò	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100142	Nguyên lý thiết kế Xây dựng công trình ngầm trong mỏ hầm lò	2
66	4100152	Đồ án xây dựng công trình ngầm trong mỏ hầm lò tại các điều kiện đặc biệt	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100152	Đồ án xây dựng công trình ngầm trong mỏ hầm lò tại các điều kiện đặc biệt	2
67	4100139	An toàn và bảo vệ môi trường trong Xây dựng công trình ngầm và mỏ	1	0	0	15	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100139	An toàn và bảo vệ môi trường trong Xây dựng công trình ngầm và mỏ	1
III.2		Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa	12											Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa	12
69	4100149	Quy hoạch không gian ngầm thành phố	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100149	Quy hoạch không gian ngầm thành phố	2
70	4100110	Quy hoạch thiết kế các công trình trên mặt đất	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100110	Quy hoạch thiết kế các công trình trên mặt đất	2
71	4100168	Bê tông cốt thép ứng suất trước	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100168	Bê tông cốt thép ứng suất trước	2
72	4100221	Tin học ứng dụng trong xây dựng	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100221	Tin học ứng dụng trong xây dựng	2
73	4100222	Ngoại ngữ chuyên ngành	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100222	Ngoại ngữ chuyên ngành	2
76	4100223	Quy hoạch và thiết kế đô thị	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	KTXD	4100223	Quy hoạch và thiết kế đô thị	2
79	4100224	Nhà nhiều tầng	2	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	XD	KTXD	4100224	Nhà nhiều tầng	2
80	4100225	Thi nghiệm và kiểm định công trình	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	KTXD	4100225	Thi nghiệm và kiểm định công trình	2
81	4100226	Giám sát thi công	2							2(2.0.4)	XD	KTXD	4100226	Giám sát thi công	2
82	4100227	Thông gió và chiếu sáng	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	KTXD	4100227	Thông gió và chiếu sáng	2
83	4100228	Kết cấu tháp trụ	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	KTXD	4100228	Kết cấu tháp trụ	2
84	4100229	Xây dựng công trình trên nền đất yếu	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	KTXD	4100229	Xây dựng công trình trên nền đất yếu	2
85	4100230	Sửa chữa, cải tạo và khôi phục công trình	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	KTXD	4100230	Sửa chữa, cải tạo và khôi phục công trình	2
86	4100318	Cấp thoát nước trong công trình xây dựng	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	KTXD	4100318	Cấp thoát nước trong công trình xây dựng	2
87	4100319	Quy hoạch giao thông và thiết kế đường	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	HTCS	4100319	Quy hoạch giao thông và thiết kế đường	2
88	4100320	Thi công công trình cầu	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	HTCS	4100320	Thi công công trình cầu	2
89	4100321	Thi công công trình đường	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	HTCS	4100321	Thi công công trình đường	2
90	4100322	Thi công công trình thủy	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	HTCS	4100322	Thi công công trình thủy	2
91	4100170	Thi công hầm và công trình ngầm	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	HTCS	4100170	Thi công hầm và công trình ngầm	2
92	4100323	Thủy văn công trình	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	HTCS	4100323	Thủy văn công trình	2
93	4100324	Khai thác và thi nghiệm công trình hạ tầng cơ sở	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	HTCS	4100324	Khai thác và thi nghiệm công trình hạ tầng cơ sở	2
94	4100325	Tin học ứng dụng trong xây dựng hạ tầng cơ sở	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	HTCS	4100325	Tin học ứng dụng trong xây dựng hạ tầng cơ sở	2
95	4100101	Các phương pháp số	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100101	Các phương pháp số	2
96	4100147	Ngoại ngữ chuyên ngành xây dựng công trình ngầm và mỏ	3	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100147	Ngoại ngữ chuyên ngành xây dựng công trình ngầm và mỏ	3

97	4100148	Tin học ứng dụng trong xây dựng công trình ngầm	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100148	Tin học ứng dụng trong xây dựng công trình ngầm	2	
98	4100121	Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100121	Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp	2	
99	4100164	Cơ sở thiết kế công trình ngầm	3	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100164	Cơ sở thiết kế công trình ngầm	3	
100	4100153	Sửa chữa, cải tạo khôi phục công trình ngầm	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100153	Sửa chữa, cải tạo khôi phục công trình ngầm	2	
101	4100158	Cơ học đá	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100158	Cơ học đá	2	
102	4100114	Cầu tạo và công nghệ chống giữ công trình ngầm	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100114	Cầu tạo và công nghệ chống giữ công trình ngầm	2	
103	4100120	Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100120	Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngầm	2	
104	4100102	Khoan nổ mìn thi công công trình ngầm	2	30	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	XD	XDCTNM	4100102	Khoan nổ mìn thi công công trình ngầm	2	
III.3																	
103	4000091	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2								2(2.0.4)	LLCT		Kiến thức chuyên ngành chọn theo trường			8
104	4000002	Tâm lý học đại cương	2								2(2.0.4)	LLCT		Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính		2	
105	4000003	Tiếng Việt thực hành	2								2(2.0.4)			Tâm lý học đại cương		2	
106	4000004	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2								2(2.0.4)			Tiếng Việt thực hành		2	
107	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2								2(2.0.4)			Cơ sở văn hoá Việt Nam		2	
108	4000006	Kỹ năng tư duy phê phán	2								2(2.0.4)			Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm		2	
109	4020104	Lịch sử Triết học	2								2(2.0.4)	KHCB		Kỹ năng tư duy phê phán		2	
110	4010403	Autocad	2								2(2.0.4)	KHCB		Lịch sử Triết học		2	
111	4010603	Tiếng Anh 3	2								2(2.0.4)	KHCB		Autocad		2	
112	4010604	Tiếng Anh 4	2								2(2.0.4)	KHCB		Tiếng Anh 3		2	
113	4010605	Tiếng Nga 1	2								2(2.0.4)	KHCB		Tiếng Anh 4		2	
114	4010606	Tiếng Nga 2	2								2(2.0.4)	KHCB		Tiếng Nga 1		2	
115	4010607	Tiếng Trung 1	2								2(2.0.4)	KHCB		Tiếng Nga 2		2	
116	4010608	Tiếng Trung 2	2								2(2.0.4)	KHCB		Tiếng Trung 1		2	
117	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	2								2(2.0.4)	LLCT		Tiếng Trung 2		2	
118	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	2								2(2.0.4)	M6		Cơ sở khai thác lộ thiên		2	
119	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2								2(2.0.4)	M6		Cơ sở khai thác hầm lò		2	
120	4040101	Địa chất đại cương	3								3(3.0.6)	KHĐC		Cơ sở tuyển khoáng		2	
121	4040110	Địa mạo cảnh quan	2								2(2.0.4)	KHĐC		Địa chất đại cương		3	
122	4040517	Cơ sở địa chất công trình - địa chất thủy văn	3								2(2.0.4)	KHĐC		Địa mạo cảnh quan		2	
123	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành Trắc địa) + BTL	3								3(3.0.6)	ĐĐ		Cơ sở địa chất công trình - địa chất thủy văn		3	
124	4050301	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	3								3(3.0.6)	ĐĐ		Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành Trắc địa) + BTL		3	
125	4050302	Cơ sở viễn thám	2								2(2.0.4)	ĐĐ		Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)		3	
126	4050509	Kỹ thuật môi trường	2								2(2.0.4)	MT		Cơ sở viễn thám		2	
127	4050526	Trắc địa đại cương	2								2(2.0.4)	ĐĐ		Kỹ thuật môi trường		2	
128	4060142	Địa vật lý đại cương	2								2(2.0.4)	KHCB		Trắc địa đại cương		2	
129	4060339	Cơ sở học hóa dầu	2								2(2.0.4)	DK		Địa vật lý đại cương		2	
130	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2								2(2.0.4)	DK		Cơ sở học hóa dầu		2	
131	4070304	Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	3								2(2.0.4)	KT		Kỹ thuật dầu khí đại cương		2	
132	4070331	Quản trị dự án đầu tư	2								2(2.0.4)	KT		Kinh tế và quản trị doanh nghiệp		3	
133	4070401	Nguyên lý kế toán	3								2(2.0.4)	KT		Quản trị dự án đầu tư		2	
134	4080153	Thiết kế Website	2								2(2.0.4)	CNTT		Nguyên lý kế toán		3	
135	4080309	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	2								2(2.0.4)	CNTT		Thiết kế Website		2	
136	4040825	Cơ sở sinh vật học	2								2(2.0.4)	MT		Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở		2	
137	4090301	Kỹ thuật điện + TN	3								3(3.0.6)	CĐ		Cơ sở sinh vật học		2	
138	4100167	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ	2								2(2.0.4)	XD		Kỹ thuật điện + TN		3	
139	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2								2(2.0.4)	MT		Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ		2	
140	4110130	Địa y học	2								2(2.0.4)	MT		Môi trường và phát triển bền vững		2	

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2018.

V/v: Đề xuất thay đổi môn học trong CTĐT

ĐỀ XUẤT THAY ĐỔI MÔN HỌC

Kính gửi:

- Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường
- Phòng Đào tạo Đại học

Căn cứ vào bảng đối chiếu, so sánh các phiên bản chương trình đào tạo năm 2016, năm 2018 của Phòng Đào tạo Đại học cung cấp.

Căn cứ vào góp ý của Phòng Đào tạo Đại học.

Để tạo điều kiện cho sinh viên trong toàn Khoa Xây dựng học tập được thuận tiện, thuận lợi với CTĐT 5 năm ngành Kỹ thuật Xây dựng. Khoa Xây dựng kính gửi Phòng Đào tạo Đại học đề xuất thay đổi tên của một số môn học như sau:

Stt	Chuyên ngành	Tên và mã môn học	Tên và mã môn học (xin được thay đổi)
1	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Cơ sở Trắc địa công trình + BTL (mã MH: 4050510; Số TC: 3)	Trắc địa công trình + BTL (mã MH: 4050114; Số TC: 3)
2	Xây dựng công trình ngầm		
3	Xây dựng công trình ngầm và mỏ		
4	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	Vẽ kỹ thuật (mã MH: 4010402)	Vẽ kỹ thuật xây dựng (mã MH: 4010404)
5	Xây dựng Hạ tầng cơ sở		

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn./.

P.Trưởng Khoa Xây dựng

Phòng Đào tạo Đại học



TS. Đặng Trung Thành

PGS.TS. Nguyễn Đức Khoát

V/v: Đề xuất thay đổi môn học trong CTĐT

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2018.

ĐỀ XUẤT THAY ĐỔI MÔN HỌC

Kính gửi: - Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường
- Phòng Đào tạo Đại học

Căn cứ vào bảng đối chiếu, so sánh các phiên bản chương trình đào tạo năm 2016, năm 2018 của Phòng Đào tạo Đại học cung cấp.

Căn cứ vào góp ý của Phòng Đào tạo Đại học.

Để tạo điều kiện cho sinh viên trong toàn Khoa Xây dựng học tập được thuận tiện, thuận lợi với CTĐT 5 năm ngành Kỹ thuật Xây dựng. Khoa Xây dựng kính gửi Phòng Đào tạo Đại học đề xuất thay đổi tên của một số môn học như sau:

Stt	Chuyên ngành	Tên và mã môn học	Tên và mã môn học (xin được thay đổi)
1	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Cơ sở Trắc địa công trình + BTL (mã MH: 4050101)	Trắc địa công trình (mã MH: 4050114) (3TC)
2	Xây dựng công trình ngầm		
3	Xây dựng công trình mỏ		
4	Xây dựng công trình ngầm và mỏ		
5	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	Trắc địa (mã MH: 4050118)	Vẽ kỹ thuật xây dựng (mã MH: 4010404) (2TC)
6	Xây dựng Hạ tầng cơ sở	Vẽ kỹ thuật (mã MH: 4010402)	

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn./.

Trưởng Khoa Xây dựng

Phòng Đào tạo Đại học



TS. Đỗ Ngọc Anh



PGS.TS. Nguyễn Đức Khoát